

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3- 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Trương Tài	Ủy viên
Ông Trần Quốc Duy	Ủy viên

Ban Kiểm Soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng Ban
Ông Mai Quý Trung	Thành viên
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Số: /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (“MSH”) với số tiền là 8.868.054.946 đồng chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị đầu tư là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ. Giá trị đầu tư này là số tiền MSH đầu tư vào 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Đầu tư và Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá làm căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với các khoản đầu tư này. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng, nếu có, đến báo cáo tài chính vì những vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” bên trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		41.102.417.150	44.219.162.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.010.197.613	2.545.955.834
1. Tiền	111	5	2.010.197.613	2.545.955.834
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.454.970.711	3.054.970.711
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.454.970.711	3.054.970.711
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.827.937.796	30.714.515.797
1. Phải thu khách hàng	131		2.774.686.359	3.450.769.663
2. Trả trước cho người bán	132		34.433.900	287.288.173
3. Các khoản phải thu khác	135	7	32.209.020.747	28.914.938.392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.190.203.210)	(1.938.480.431)
IV. Hàng tồn kho	140	8	639.647.356	641.763.692
1. Hàng tồn kho	141		639.647.356	641.763.692
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.169.663.674	7.261.956.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.646.821.292	1.827.609.855
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.708.928	1.501.387.227
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		662.886.375	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	846.247.079	3.932.959.014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		226.836.676.476	200.046.254.769
I. Tài sản cố định	220		135.635.957.563	122.103.479.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	117.317.411.563	94.625.842.572
- Nguyên giá	222		192.509.086.459	154.960.694.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.191.674.896)	(60.334.852.275)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.318.546.000	18.318.546.000
- Nguyên giá	228		18.318.546.000	18.318.546.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	9.159.090.910
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		91.113.075.960	77.844.301.263
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	67.320.000.000	56.120.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	32.850.000.000	28.850.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(9.056.924.040)	(7.125.698.737)
III. Tài sản dài hạn khác	260		87.642.953	98.474.024
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	10.831.071
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	87.642.953	87.642.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		267.939.093.626	244.265.416.899

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẤU SỐ B 01-DN	
			31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		171,586,606,682	154,668,577,748
I. Nợ ngắn hạn	310		95,845,564,138	86,760,276,606
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	65,740,143,489	51,144,397,097
2. Phải trả người bán	312		2,508,781,543	13,659,691,528
3. Người mua trả tiền trước	313		84,375,845	5,306,001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	796,540,549	859,046,057
5. Phải trả người lao động	315		3,973,955,752	3,567,691,260
6. Chi phí phải trả	316	19	3,096,457,766	1,086,352,883
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	19,192,159,194	16,186,291,780
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		453,150,000	251,500,000
II. Nợ dài hạn	330		75,741,042,544	67,908,301,142
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	26,933,232,013	31,227,930,652
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	48,807,810,531	36,680,370,490
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		96,352,486,944	89,596,839,151
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	96,352,486,944	89,596,839,151
1. Vốn cổ phần	411		92,792,610,000	80,693,070,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289,330,000	289,330,000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		166,650,000	166,650,000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,103,896,944	8,447,789,151
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		267,939,093,626	244,265,416,899
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ		USD	122,97	1.155,77

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	158.926.410.085	164.075.174.105
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	87.435.356	94.069.730
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		158.838.974.729	163.981.104.375
4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	25	127.714.549.203	127.723.709.446
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.124.425.526	36.257.394.929
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	19.254.818.011	10.755.385.878
7. Chi phí tài chính	22	28	14.572.869.216	14.620.496.009
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.402.192.225	6.200.775.244
8. Chi phí bán hàng	24		11.598.191.823	10.878.612.318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.526.776.684	14.879.492.145
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11.681.405.814	6.634.180.335
11. Thu nhập khác	31	29	4.690.536.821	8.283.274.800
12. Chi phí khác	32	29	3.835.718.087	4.393.785.797
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		854.818.734	3.889.489.003
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.536.224.548	10.523.669.338
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	147.342.955	1.626.830.286
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	-	306.376.412
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		12.388.881.593	8.590.462.640

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.536.224.548	10.523.669.338
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.488.055.333	21.533.212.888
Các khoản dự phòng	03	1.679.502.524	3.678.651.048
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.762.016.467)	(8.221.122.948)
Chi phí lãi vay	06	12.402.192.225	11.258.448.659
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.343.958.163	38.772.858.985
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.035.487.596)	(10.382.614.075)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.116.336	13.062.093
Thay đổi các khoản phải trả	11	517.225.607	(2.781.480.003)
Thay đổi chi phí trả trước	12	191.619.634	(93.818.733)
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.451.376.845)	(11.258.448.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(933.201.854)	(745.052.842)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.086.711.935	196.200.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(124.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.721.565.380	13.596.706.766
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(47.892.295.777)	(19.955.045.242)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	4.360.636.364	6.283.636.363
3. Tiền chi cho vay của đơn vị khác	23	-	(2.697.554.946)
4. Tiền thu hồi cho vay công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.262.196.792
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.297.309.292)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	700.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	431.642.466	3.881.749.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.697.326.239)	(8.225.017.515)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	151.882.162.546	105.384.888.885
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(121.373.255.098)	(107.618.035.908)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.068.904.810)	(3.408.190.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.440.002.638	(5.641.337.548)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(535.758.221)	(269.648.297)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.545.955.834	2.815.604.131
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.010.197.613	2.545.955.834

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 10.941.500.000 đồng, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán vào cuối năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có phát sinh khoản tiền mua sắm tài sản cố định nhưng chưa thanh toán.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 8.002.690.708 đồng (năm 2013: không phát sinh), số tiền này gồm 3.200.000.000 đồng là số vốn góp đầu tư chuyển từ phần lợi nhuận được chia từ các công ty con và 4.802.690.708 đồng là số tiền dùng để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định bằng cách cân trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm 2014, Công ty nhận chuyển nhượng lợi nhuận từ các công ty con với số tiền 12.900.000.000 đồng (2013: 4.800.000.000 đồng) và được cân trừ vào công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải thu.

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 936 người).

Tại ngày Bảng cân đối kế toán, Công ty có các chi nhánh và các công ty con sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung – Chi nhánh Du Lịch	92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, TK Diêm Hải, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành Phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành Phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, đường Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành Phố Quy Nhơn, Bình Định	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định theo Nghị quyết 04/2014/BB-MLMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng là 8.000.000.000 đồng. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 411021000020 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định tại ngày 20 tháng 5 năm 2008 với vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng. Theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 4 bên dưới.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá vốn, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ liên quan được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	649.039.842	490.139.113
Tiền gửi ngân hàng	1.361.157.771	2.055.816.721
	<u>2.010.197.613</u>	<u>2.545.955.834</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay ngắn hạn	2.454.970.711	3.054.970.711
	<u>2.454.970.711</u>	<u>3.054.970.711</u>

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

<u>Đối tượng</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	12 tháng	1,3%/tháng	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	12 tháng	1%/tháng	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	12 tháng	1%/tháng	100.000.000
			<u>2.454.970.711</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong nhóm Mai Linh Miền Trung ("MLC")	13.373.030.408	6.349.444.910
Công ty thành viên trong Tập Đoàn Mai Linh ("MLG")	18.435.418.479	21.958.664.467
Các khoản phải thu khác	400.571.860	606.829.015
	<u>32.209.020.747</u>	<u>28.914.938.392</u>

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho bao gồm công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế các loại dùng cho việc sửa chữa và bảo dưỡng xe ô tô.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.842.559	35.486.004
Chi phí bảo hiểm	905.751.590	944.351.841
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	712.227.143	847.772.010
	<u>1.646.821.292</u>	<u>1.827.609.855</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	450.373.079	530.704.014
Ký quỹ Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị (*)	-	3.112.000.000
Ký quỹ, ký cược khác	395.874.000	290.255.000
	<u>846.247.079</u>	<u>3.932.959.014</u>

(*) Là khoản ký quỹ thuê 15 xe Toyota Inova J theo hợp đồng thuê số 001/2011/HĐKT ngày 01 tháng 6 năm 2011 và số 002/2011/HĐKT ngày 01 tháng 6 năm 2011 với Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị. Hợp đồng này đã được thanh lý tại ngày 08 tháng 8 năm 2014.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	3.692.132.322	164.432.113	151.104.130.412	154.960.694.847
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	46.109.886.687	46.109.886.687
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.561.495.075)	(8.561.495.075)
Tại ngày 31/12/2014	<u>3.692.132.322</u>	<u>164.432.113</u>	<u>188.652.522.024</u>	<u>192.509.086.459</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.530.477.153	164.432.113	58.639.943.009	60.334.852.275
Khấu hao trong năm	229.102.000	-	20.258.953.333	20.488.055.333
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.631.232.712)	(5.631.232.712)
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.759.579.153</u>	<u>164.432.113</u>	<u>73.267.663.630</u>	<u>75.191.674.896</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.932.553.169</u>	<u>-</u>	<u>115.384.858.394</u>	<u>117.317.411.563</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.161.655.169</u>	<u>-</u>	<u>92.464.187.403</u>	<u>94.625.842.572</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 115.384.858.394 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 92.464.187.403 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 617.366.266 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 346.334.153 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 34.757.027.662 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 36.810.988.278 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành) của hai (02) lô đất sau:

- (a) Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - Thành phố Đà Nẵng với diện tích 12.594.80 m² với số tiền là 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

(b) Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền là 936.000.000 đồng, thế chấp tại Ngân hàng Tiền Phong - Chi nhánh Đà Nẵng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22, Công ty đã thế chấp các quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu vào các công ty con như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	14.620.000.000	13.620.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	-
	<u>67.320.000.000</u>	<u>56.120.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Quảng Bình	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Hội An	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định theo Nghị quyết 04/2014/BB-MLMT ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng là 8.000.000.000 đồng. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 411021000020 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định tại ngày 20 tháng 5 năm 2008 với vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định.

Trong năm 2014, Công ty cũng tiến hành tăng vốn góp tại các công ty con với tổng vốn góp là 3.300.000.000 đồng theo Quyết định 09/2014/BB-MLMT ngày 05 tháng 5 năm 2014 và Quyết định 29/2014/BB-MLMT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị. Các công ty con nhận thêm vốn góp trong năm là Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị, Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi và Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	32.850.000.000	28.850.000.000
	<u>32.850.000.000</u>	<u>28.850.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MSH có hoạt động chính là cung cấp dịch vụ taxi, được đăng ký thành lập và hoạt động tại thành phố Nha Trang, Khánh Hòa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 11,7% vốn của MSH, tương đương 11,7% quyền biểu quyết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.76%).

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	(36.677.145)
Công ty TNHH Mai Linh Tam Kỳ	(188.869.094)	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	(8.868.054.946)	(7.089.021.592)
	<u>(9.056.924.040)</u>	<u>(7.125.698.737)</u>

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2014	Vốn CSH theo BCTC	Vốn thực góp tại 31/12/2014	Dự phòng tại 31/12/2014
Công ty TNHH Mai Linh Tam Kỳ	100%	3.611.130.906	3.800.000.000	(188.869.094)
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH") (*)	11,7%	192.226.407.606	32.850.000.000	(8.868.054.946)

(*) Khoản dự phòng tại MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị đầu tư là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ. Giá trị đầu tư này là số tiền MSH đầu tư vào 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Đầu tư và Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc không có thông tin thích hợp để đánh giá làm căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư này của MSH.

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm kế toán trước.

	Chi phí phải trả <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	394.019.365
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(306.376.412)
Tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2014	<u>87.642.953</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	28.259.000.000	24.840.680.000
Vay ngắn hạn cá nhân	10.867.356.000	5.865.000.000
Vay ngắn hạn từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	-	2.591.916.838
Vay cán bộ công nhân viên đến hạn phải trả	-	1.871.028.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	14.556.691.667	12.408.041.875
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả	12.057.095.822	3.567.730.384
	<u>65.740.143.489</u>	<u>51.144.397.097</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay này được thực hiện bằng đồng Việt Nam với tổng hạn mức là 31 tỷ đồng. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh 11 và 12). Các khoản vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 8,5% đến 10,5% (năm 2013: từ 10% đến 11,1%). Các khoản vay này có thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,87% đến 1,25%/tháng.

Vay dài hạn từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An là khoản vay với lãi suất cho mỗi tháng từ 1 đến 1,5% và đã được Công ty cần trừ công nợ vào ngày 31 tháng 5 năm 2014.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	608.039.172	27.686.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	785.858.899
Thuế thu nhập cá nhân	188.501.377	42.769.205
Các loại thuế khác	-	2.731.360
	<u>796.540.549</u>	<u>859.046.057</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phần chênh lệch khấu hao tài sản cố định của các hợp đồng đầu tư xe	2.447.707.803	576.066.432
Chi phí phải trả lãi vay	75.233.807	124.418.427
Chi phí thuê thương hiệu	423.516.156	-
Chi phí phải trả khác	150.000.000	385.868.024
	<u>3.096.457.766</u>	<u>1.086.352.883</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	370.127.270	375.760.701
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	986.700.713	809.424.772
Phải trả cho các công ty thành viên trong MLC	9.091.115.571	6.322.554.642
Phải trả các công ty thành viên trong MLG	3.237.163.050	227.622.531
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	85.353.406	501.197.052
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	1.322.184.335	1.464.199.799
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.849.567.665	5.740.150.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.249.947.184	745.381.308
	<u>19.192.159.194</u>	<u>16.186.291.780</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (*)	9.005.832.013	8.196.530.652
Phải trả dài hạn khác (**)	17.927.400.000	23.031.400.000
	<u>26.933.232.013</u>	<u>31.227.930.652</u>

(*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc và mở thẻ “Mailinh Customer Club” (“MCC”) của khách hàng.

(**) Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư. Khoản tiền ký quỹ này sẽ được cần trừ với tiền thuê xe hàng tháng của các chủ đầu tư.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn ngân hàng	51.203.590.000	33.026.592.204
Vay dài hạn cán bộ công nhân viên	24.218.008.020	17.660.942.530
Vay từ Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	-	3.785.721.015
Vay đối tượng khác	-	53.915.000
	<u>75.421.598.020</u>	<u>54.527.170.749</u>
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	26.613.787.489	17.846.800.259
- Số phải trả sau 12 tháng	48.807.810.531	36.680.370.490

Vay dài hạn ngân hàng thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho dịch vụ kinh doanh taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh 11) và có thời hạn vay từ 48 tháng cho tới 84 tháng với lãi suất năm trong khoảng từ 9,3% đến 12% (năm 2013: từ 12% đến 13,05%).

Vay dài hạn cán bộ công nhân viên là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất từ 1% đến 1,04%/tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	26.613.787.489	17.846.800.259
Trong năm thứ hai	15.451.739.461	18.975.886.886
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	27.383.946.070	17.704.483.604
Sau năm năm	5.972.125.000	-
	<u>75.421.598.020</u>	<u>54.527.170.749</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(26.613.787.489)	(17.846.800.259)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>48.807.810.531</u>	<u>36.680.370.490</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.693.070.000	289.330.000	166.650.000	4.191.980.011	85.341.030.011
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.590.462.640	8.590.462.640
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.034.653.500)	(4.034.653.500)
Giảm khác	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	80.693.070.000	289.330.000	166.650.000	8.447.789.151	89.596.839.151
Tăng vốn trong năm	12.099.540.000	-	-	(12.099.540.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.388.881.593	12.388.881.593
Tăng khác	-	-	-	1.419.700	1.419.700
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.634.653.500)	(5.634.653.500)
Số dư tại ngày 31/12/2014	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	3.103.896.944	96.352.486.944

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty công bố trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.600.000.000 đồng (năm 2013: 300.000.000 đồng). Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty công bố chia cổ tức bằng tiền cho năm 2013 là 500 đồng trên 1 cổ phiếu, tương đương 4.034.653.500 đồng.

Ngoài ra, theo Thông báo Về việc chấp thuận niêm yết bổ sung của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 96/TB-SGDHN ngày 29 tháng 01 năm 2015, Công ty cũng công bố chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:15, tương đương với số tiền là 12.099.540.000 đồng. Sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn cổ phần của Công ty là 92.792.610.000 đồng.

Cổ phần

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	8.069.307
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Vốn cổ phần

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn cổ phần của Công ty là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 80.693.070.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 31/12/2013		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
MLG	4.434.781	47,79%	44.347.810.000	3.856.332	47,79%	38.563.320.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66%	11.743.800.000	1.021.200	12,66%	10.212.000.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55%	36.701.000.000	3.191.775	39,55%	31.917.750.000
Tổng cộng	9.279.261	100%	92.792.610.000	8.069.307	100%	80.693.070.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. DOANH THU

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	158.926.410.085	164.075.174.105
Doanh thu dịch vụ taxi	125.589.003.944	123.454.932.481
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	3.424.545.455	21.180.286.957
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	3.033.085.954	2.575.408.393
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	12.449.786.107	9.904.263.245
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	12.153.858.501	3.590.020.607
Doanh thu hoa hồng đại lý	-	2.663.691.250
Doanh thu các dịch vụ khác	2.276.130.124	706.571.172
Các khoản giảm trừ doanh thu	(87.435.356)	(94.069.730)
Chiết khấu thương mại	(87.435.356)	(94.069.730)
	<u>158.838.974.729</u>	<u>163.981.104.375</u>

25. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn dịch vụ taxi	106.067.897.395	96.814.206.930
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	1.400.844.819	3.175.357.808
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	2.864.956.811	8.577.555.248
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	10.383.369.065	8.425.069.467
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	4.568.879.169	7.786.938.767
Giá vốn dịch vụ hoa hồng đại lý	-	2.944.581.226
Giá vốn các dịch vụ khác	2.428.601.944	-
	<u>127.714.549.203</u>	<u>127.723.709.446</u>

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.543.742.978	33.778.829.295
Chi phí nhân công	52.590.998.386	53.342.139.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.488.055.333	21.533.212.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.280.430.644	40.478.150.696
Chi phí khác	8.936.290.369	4.349.481.887
	<u>151.839.517.710</u>	<u>153.481.813.909</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	431.642.466	681.749.518
Lợi nhuận được chia từ công ty con	12.900.000.000	4.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.362	-
Thu nhập từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	5.923.107.183	5.273.636.360
	<u>19.254.818.011</u>	<u>10.755.385.878</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	12.402.192.225	11.258.448.659
Chi phí giải thể công ty con Arabica Mai Linh	-	200.000.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	239.451.688	45.064.451
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	1.931.225.303	3.116.982.899
	<u>14.572.869.216</u>	<u>14.620.496.009</u>

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	4.360.636.364	6.283.636.363
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	-	109.559.091
Thu nhập từ nợ khó đòi	-	736.766.504
Hoàn nhập dự phòng	-	459.332.876
Khác	329.900.457	693.979.966
Thu nhập khác	<u>4.690.536.821</u>	<u>8.283.274.800</u>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	2.930.262.363	3.544.262.933
Thu lao Hội đồng Quản trị	798.000.000	612.000.000
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	201.851.805
Khác	107.455.724	35.671.059
Chi phí khác	<u>3.835.718.087</u>	<u>4.393.785.797</u>
Lợi nhuận khác	<u>854.818.734</u>	<u>3.889.489.003</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	12.536.224.548	10.523.669.338
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	12.900.000.000	4.800.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.033.516.156	783.651.805
Thu nhập chịu thuế	669.740.704	6.507.321.143
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>147.342.955</u>	<u>1.626.830.286</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 13 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thuộc sở hữu của Ông Hồ Minh Châu với giá trị chuyển nhượng là 74.633.325.000 đồng, tương ứng số lượng là 5.970.666 cổ phần (gồm: 5.434.298 cổ phần phổ thông và 536.368 cổ phần ưu đãi cổ tức). Thời hạn thanh toán được chia thành 05 đợt, đợt cuối vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Quyền sở hữu của bên nhận chuyển nhượng được xác lập tương ứng với số tiền mà Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung thanh toán cho Ông Hồ Minh Châu về số tiền mua cổ phần theo nguyên tắc cổ phần phổ thông trước, cổ phần ưu đãi cổ tức sau cùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Ngày 13 tháng 6 năm 2014, Ông Hồ Minh Châu đã nộp đơn kiện Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung yêu cầu Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Tại ngày Báo cáo này, vụ kiện vẫn đang trong quá trình hòa giải. Công ty đã thực hiện phần lớn nghĩa vụ với Ông Hồ Minh Châu và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng sự việc này không có ảnh hưởng trọng yếu; theo đó, Công ty không ghi nhận các khoản nợ dự phòng có thể phát sinh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.141.200.000</u>	<u>4.711.460.004</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang có thời hạn thanh toán trong vòng 1 năm với số tiền là 1.090.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.764.000.000 đồng).

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 22 trừ đi tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	114.547.954.020	87.824.767.587
Trừ: Tiền	(2.010.197.613)	(2.545.955.834)
Nợ thuần	112.537.756.407	85.278.811.753
Vốn chủ sở hữu	96.352.486.944	89.596.839.151
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,17</u>	<u>0,95</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.010.197.613	2.545.955.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.983.707.106	32.365.708.055
Các khoản đầu tư ngắn hạn	2.454.970.711	3.054.970.711
Các khoản ký quỹ, ký cược	395.874.000	3.402.255.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	32.850.000.000	28.850.000.000
	72.694.749.430	70.218.889.600
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	114.547.954.020	87.824.767.587
Phải trả người bán và phải trả khác	30.706.772.750	38.042.513.960
Chi phí phải trả	3.096.457.766	1.086.352.883
	148.351.184.536	126.953.634.430

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Tăng/(giảm) số điền cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	200	(2.290.959.080)
VND	<u>(200)</u>	<u>2.290.959.080</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	200	(1.756.495.352)
VND	<u>(200)</u>	<u>1.756.495.352</u>

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền	2.010.197.613	-	2.010.197.613
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.983.707.106	-	34.983.707.106
Các khoản đầu tư ngắn hạn	2.454.970.711	-	2.454.970.711
Các khoản ký quỹ, ký cược	395.874.000	-	395.874.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	32.850.000.000	32.850.000.000
	<u>39.844.749.430</u>	<u>32.850.000.000</u>	<u>72.694.749.430</u>
Các khoản vay	65.740.143.489	48.807.810.531	114.547.954.020
Phải trả người bán và phải trả khác	21.700.940.737	9.005.832.013	30.706.772.750
Chi phí phải trả	3.096.457.766	-	3.096.457.766
	<u>90.537.541.992</u>	<u>57.813.642.544</u>	<u>148.351.184.536</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(50.692.792.562)</u>	<u>(24.963.642.544)</u>	<u>(75.656.435.106)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền	2.545.955.834	-	2.545.955.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.365.708.055	-	32.365.708.055
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.054.970.711	-	3.054.970.711
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.402.255.000	-	3.402.255.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	28.850.000.000	28.850.000.000
	41.368.889.600	28.850.000.000	70.218.889.600
Các khoản vay	51.144.397.097	36.680.370.490	87.824.767.587
Phải trả người bán và phải trả khác	29.845.983.308	8.196.530.652	38.042.513.960
Chi phí phải trả	1.086.352.883	-	1.086.352.883
	82.076.733.288	44.876.901.142	126.953.634.430
Chênh lệch thanh khoản thuần	(40.707.843.688)	(16.026.901.142)	(56.734.744.830)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự cam kết tái cấu trúc mạnh mẽ, cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày và từ các khoản vay ngân hàng, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Công ty con (từ ngày 01/01/2014)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty thành viên trong MLG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Nông	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	Công ty đồng Chủ tịch

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	1.153.031.541	2.727.273
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	462.727.272	444.545.455
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	3.176.787.880	3.263.255.937
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	667.619.092	573.901.977
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	533.883.273	1.336.632.309
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.680.931.336	2.189.511.419
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1.666.666	-
	<u>7.676.647.060</u>	<u>7.810.574.370</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	17,201,323,818	15,326,657,271
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	671,818,181	1,181,818,180
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	27,272,727	18,181,818
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	90,909,090	30,022,727
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	9,090,909	27,272,727
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	13,636,364	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	6,134,545	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	54,639,850	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	172,067,955	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1,098,872,619	2,689,236,705
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	190,909,092	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Nông	13,636,364	-
	<u>19,550,311,514</u>	<u>19,273,189,428</u>
Mua hàng		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.520.445.750	2.522.727.278
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	2.729.090	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	261.570.096	942.425.627
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	870.156.146	1.794.743.687
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	4.310.612.000	215.801.600
	<u>6.965.513.082</u>	<u>5.475.698.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	17.156.250.328	16.511.232.479
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	-	387.125.000
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	-	681.196.400
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	217.800.000	209.550.000
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	-	103.288.386
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắc Lắc	1.354.545	-
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	2.060.000	670.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	89.950	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	65.203.540	58.382.257
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	8.988.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.236.364	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	128.181.818	-
	<u>17.581.164.545</u>	<u>17.951.444.522</u>

Mua tài sản cố định

Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	-	263.636.363
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	-	11.181.818.175

Điều chuyển lợi nhuận

Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.700.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	4.000.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	1.100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	5.000.000.000	1.600.000.000

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.804.109.328	1.722.514.120
Các khoản phúc lợi khác	602.286.130	794.948.410

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Phải thu khác**Công ty thành viên trong MLC**

Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	1.000.585.570	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.028.379.678	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	5.047.651.637	3.513.932.186
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	-	2.693.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	1.156.048.989	452.262.384
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	5.138.697.868	2.380.557.340
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1.666.666	-
	<u>13.373.030.408</u>	<u>6.349.444.910</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	11.042.571.429	14.661.750.101
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	1.560.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	340.289.486	296.404.374
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	13.607.000	713.795.708
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	33.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	61.940.319	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	3.025.000	3.025.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	140.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.371.304.789	1.457.867.543
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	-	136.141.285
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	3.000.000	-
	<u>18.435.418.479</u>	<u>21.958.664.467</u>
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	-	6,377,637,853
	<u>3,237,163,050</u>	<u>227,622,531</u>
Ký quỹ		
	<u>3,237,163,050</u>	<u>227,622,531</u>
Cho vay ngắn hạn, dài hạn		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1,000,000,000	1,700,000,000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1,354,970,711	1,354,970,711
Phải trả khác		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	342.749.126
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	-	380.838.112
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	28.264.000	25.262.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	8.296.416.578	5.117.333.511
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	21.305.393	21.305.393
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	745.129.600	435.066.500
	<u>9.091.115.571</u>	<u>6.322.554.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	-	4.844.531
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	-
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	2.000.000	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	60.299.800	58.649.800
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	62.849.400	97.719.600
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	4.290.000	
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	39.930.000	39.930.000
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	-	7.100.000
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	165.000	737.000
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	641	641
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	21.629.234	10.377.884
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	335.575	335.575
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	170.000	5.927.500
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	44.133.400	-
	<u>3.237.163.050</u>	<u>227.622.531</u>
Vay ngắn hạn, dài hạn		
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	-	6.377.637.853
	<u>-</u>	<u>6.377.637.853</u>
Ký quỹ		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	-	3.112.000.000
	<u>-</u>	<u>3.112.000.000</u>

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 17 tháng 01 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 03 công ty con của Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với giá trị chuyển nhượng là 14 tỷ đồng. Các công ty con nhận chuyển nhượng là Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum, Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai và Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên.

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2015